

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **16/2018/DS-ST**
Ngày: 16 - 8 - 2018
V/v "*Tranh chấp hợp đồng dân sự
về vay tài sản*"

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Tấn Đầu**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Kiện**

2. Ông **Danh Phô**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lý Văn Toán** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang:
Không tham gia phiên tòa

Ngày 16 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 29/2018/TLST-DS ngày 29 tháng 03 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2018/QĐST-DS, ngày 24 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2018/QĐST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Huỳnh Trần H**, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Tổ 2, khu phố ML, thị trấn ML, huyện CT, tỉnh KG.

Có mặt tại phiên tòa

* Bị đơn: Bà **Bành Thị T** sinh năm 1964.

Địa chỉ: ấp AK, xã MH, huyện CT, KG.

Vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/03/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Huỳnh Trần H trình bày: Do chỗ quen biết nhau từ

trước nên đã cho bà Bành Thị T vay mượn số tiền nhiều lần và cho đến thời điểm hiện tại thì bà T còn nợ lại của chị số tiền là 220.720.000 đồng, bà T có viết biên nhận nợ. Chị đã nhiều lần yêu cầu bà T trả tiền cho chị nhưng bà T không trả bất cứ khoản tiền nào cho chị nên chị đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T phải có nghĩa vụ trả cho chị số tiền còn thiếu là 220.720.000 đồng. Chị không yêu cầu tính lãi suất.

Tại phiên tòa ngày hôm nay chị Huỳnh Trần H có yêu cầu:

Buộc bà Bành Thị T phải số tiền nợ là: **220.720.000 đồng** (Hai trăm hai mươi triệu bảy trăm hai mươi ngàn), chị không yêu cầu tính lãi suất.

* Bị đơn bà Bành Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên không có ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] - Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Huỳnh Trần H thực hiện quyền khởi kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự là thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh KG.

[2] - Về quan hệ pháp luật tranh chấp, nguyên đơn chị Huỳnh Trần H yêu cầu bị đơn bà Bành Thị T trả số tiền nợ là: **220.720.000 đồng** (Hai trăm hai mươi triệu bảy trăm hai mươi ngàn). Nên quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng dân sự về việc vay tài sản”.

[3] - Về sự có mặt của các đương sự: Bị đơn bà Bành Thị T đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ nhiều lần, nhưng bà Bành Thị T vẫn vắng mặt không lý do. Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Huỳnh Trần H yêu cầu xét xử vắng mặt bị đơn bà Bành Thị T theo quy định pháp luật. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn bà Bành Thị T.

[4] - Về nội dung vụ án: Tại yêu cầu khởi kiện nguyên đơn chị Huỳnh Trần H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện CT xem xét giải quyết buộc bị đơn bà Bành Thị T trả số tiền **220.720.000 đồng** (Hai trăm hai mươi triệu bảy trăm hai mươi ngàn), chị không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn Bành Thị T đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày nhưng tại biên bản hòa giải và bản

tự khai bà thừa nhận hiện nay còn nợ chị H số tiền 220.720.000 đồng (Hai trăm hai mươi triệu bảy trăm hai mươi ngàn), nhưng do hiện nay hoàn cảnh khó khăn nên xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi dứt số nợ 220.720.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Giao dịch vay tài sản giữa nguyên đơn chị Huỳnh Trần H với bị đơn bà Bành Thị T là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc và phù hợp theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005 về hợp đồng vay tài sản, bị đơn bà Bành Thị T đã nhận được tài sản thì phải có nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005.

Xét yêu cầu xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ của bà T là không có cơ sở chấp nhận vì như thế sẽ kéo dài thời gian trả nợ, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Mặt khác, tại phiên tòa nguyên đơn chị Huỳnh Trần H cũng không đồng ý với yêu cầu của bà T.

Từ những căn cứ nhận định trên Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Huỳnh Trần H buộc bị đơn bà Bành Thị T phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn chị Huỳnh Trần H số tiền vốn gốc là **220.720.000 đồng** (Hai trăm hai mươi triệu bảy trăm hai mươi ngàn), không yêu cầu tính lãi suất .

[5] - Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 01 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí tòa án buộc bị đơn bà Bành Thị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm cụ thể là $220.720.000 \text{ đồng} \times 5\% = 11.036.000 \text{ đồng}$.

Hoàn trả cho nguyên đơn chị Huỳnh Trần H số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 5.618.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003594 ngày 19/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CT, tỉnh KG.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, 147, 227, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 468 và Điều 688 Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ vào các Điều 471, 474, 476 Bộ luật dân sự 2005;
- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 01 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí tòa án

Tuyên xử:

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **Huỳnh Trần H** về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự về việc vay tài sản*” đối với bị đơn bà Bành Thị T.

2- Buộc bị đơn bà Bành Thị T phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn chị Huỳnh Trần H số tiền vốn gốc **220.720.000 đồng** (Hai trăm hai mươi triệu bảy trăm hai mươi ngàn), không yêu cầu tính lãi suất.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không trả số tiền nêu trên thì còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3- Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 01 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí tòa án buộc bị đơn bà Bành Thị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm cụ thể là $220.720.000 \text{ đồng} \times 5\% = 11.036.000 \text{ đồng}$.

Hoàn trả cho nguyên đơn chị Huỳnh Trần H số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 5.618.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003594 ngày 19/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CT, tỉnh KG.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4 - Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Lưu: hồ sơ, V.phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Tấn Đầu